TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2023/HS-ST
Ngày 20 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng, bà Trần Thị Liên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa***: Bà Kiều Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 194/2023/TLST-HS ngày 21/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HS ngày 07/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 12/10/1990 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không.

Tiền án: 01, tại Bản án số 18/2020/HS-ST ngày 19/02/2020, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/02/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2023 cho đến nay (có mặt).

** Bị hại:* Ông Y D Ênuôl, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Phạm Thị G, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà B, đường H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Đặng Thế K, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà C, đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Năm 2021, T đến làm thuê tại cửa hàng in ấn, quảng cáo, nhôm kính của anh rể là Đặng Thế K, anh K giao cho Toán 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 47B2-394.xx để đi lại làm việc. Đến đầu tháng 3/2023, do không thích công việc nhôm kính tại cửa hàng của anh K nên T bỏ nhà đi sống lang thang trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. T điều khiển xe mô tô biển số 47B2-394.xx đến tiệm In-ter-net H, tại địa chỉ 188 đường L, phường T, thành phố B chơi thì gặp một nam thanh niên tên Bun (chưa rõ nhân thân, lai lịch), sau đó, Bun đề nghị đổi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 47R3-06xx với T để lấy xe mô tô biển số 47B2-394.xx đi công việc thì T đồng ý. Ngày 01/4/2023, do hết tiền tiêu xài nên T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 47R3-06xx đến địa chỉ thôn A, xã C, thành phố B, là nhà của chị Trương Lê Tường V (sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố C, phường T, thành phố B) để đòi số tiền 300.000 đồng mà chị V nợ T trước đó. Khi đến nơi thì không gặp chị V ở nhà nên T đi vòng quanh khu vực nhà chị V, rồi nhìn thấy trên tường trong nhà kho của ông Y D Ênuôl (giáp nhà chị V) có treo 01 máy cắt cỏ, màu cam (không rõ nhãn hiệu) và 01 máy cắt sắt, màu vàng (không rõ nhãn hiệu) không có ai trông coi quản lý, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc máy cắt cỏ và máy cắt sắt trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, T đi theo khe hở tường rào giữa nhà chị V với nhà ông Y D vào trong nhà kho, lấy trộm máy cắt cỏ và máy cắt sắt rồi đi theo lối cũ ra ngoài, để máy cắt cỏ và máy cắt sắt lên xe mô tô biển số 47R3-06xx rồi điều khiển bỏ trốn. Khi đi trên đường Vành đai 10/3, thành phố Buôn Ma Thuột, T gặp một người phụ nữ mua bán sắt vụn (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rồi bán 02 chiếc máy trên được số tiền 400.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 23 giờ ngày 05/4/2023, T tiếp tục điều khiển xe mô tô 47R3-06xx đến nhà ông Y D Ênuôl để tìm tài sản trộm cắp. T đi theo lối cũ đột nhập vào nhà kho của gia đình ông Y D lấy trộm 01 chiếc máy cắt sắt nhãn hiệu HATAVINA, model NTH, 2HP, 1.5KW và 01 chiếc cưa lốc, nhãn hiệu STHIL, màu đen cam, mã MS 361 rồi bỏ trốn ra ngoài. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 47R3-06xx chở tài sản trên đi đến đường Vành đai 10/3 thì dừng ngủ ven đường, đợi sáng ngày hôm sau mang tài sản đi tiêu thụ. Đến sáng ngày 06/4/2023, Công an xã C tuần tra phát hiện và đưa T về làm việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2023 và 119/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 chiếc cưa lốc, nhãn hiệu STIHL, màu đen cam, mã MS361, tài sản đã qua sử dụng, tài sản đã thu hồi được, trị giá: 1.800.000 đồng; 01 chiếc máy cắt sắt nhãn hiệu HATAVINA, model 03 NTH, 2 HP, 1.5KW, tài sản đã qua sử dụng, đã thu hồi được, trị giá: 2.700.000 đồng; 01 chiếc máy cắt cỏ cầm tay, màu cam, không rõ nhãn hiệu, tài sản đã qua sử dụng, tài sản đã bị hư hỏng hoàn toàn, cân nặng 10kg, tài sản chưa thu hồi được, trị giá: 70.000 đồng; 01 chiếc máy cắt sắt để bàn, màu vàng, không rõ nhãn hiệu, tài sản đã qua sử dụng, tài sản bị hư hỏng hoàn toàn, cân nặng 17kg, tài sản chưa thu hồi được, trị giá:

119.000 đồng. Tổng trị giá tài sản: 4.689.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 202/CT-VKS-BMT ngày 20/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản":

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 01 năm 3 tháng đến 01 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã giao trả 01 chiếc cưa lốc, nhãn hiệu STIHL và 01 chiếc máy cắt sắt, nhãn hiệu HATAVINA cho ông Y D Ênuôl.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông Y D Ênuôl số tiền 2.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu nào khác nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 01/4/2023, tại thôn A, xã C, thành phố B, Nguyễn Văn T trộm cắp của ông Y D Ênuôl 01 chiếc máy cắt cỏ và 01 chiếc máy cắt sắt để bàn, trị giá 189.000 đồng; ngày 05/4/2023, Nguyễn Văn T tiếp tục trộm cắp tài sản của ông Y D Ênuôl gồm 01 chiếc cưa lốc, nhãn hiệu STIHL và 01 chiếc máy cắt sắt, nhãn hiệu HATAVINA, trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn T chiếm đoạt được là 4.689.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

Tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số 18/2020/HS-ST ngày 19/02/2020, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/02/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo bản án nêu trên nên chưa được xóa án tích. Vì vậy, đối với lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bên cạnh đó, bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (ngày 01/4 và 05/4/2023), mặc dù trị giá tài sản chiếm đoạt ngày 01/4/2023 dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên hành vi ngày 01/4/2023 cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc máy cắt cỏ cầm tay, không rõ nhãn hiệu và 01 chiếc máy cắt sắt để bàn, không rõ nhãn hiệu, tài sản đã qua sử dụng, T đã bán cho người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 chiếc cưa lốc, nhãn hiệu STIHL và 01 chiếc máy cắt sắt, nhãn hiệu HATAVINA, tài sản đã qua sử dụng, là tài sản của ông Y D Ênuôl, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Y D là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập trong phần quyết định của bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Văn T đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho ông Y D Ênuôl số tiền 2.000.000 đồng thiệt hại về tài sản. Bị hại đã nhận số tiền nêu trên và không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về hành vi và các đối tượng liên quan:

Đối với việc anh Đặng Thế K giao cho Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 47B2-394.xx để đi lại làm việc, sau đó T đổi xe cho nam thanh niên tên Bun để lấy xe mô tô biển số 47R3-06xx, do anh K không có yêu cầu về chiếc xe mô tô nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người phụ nữ thu mua sắt vụn, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa triệu tập làm việc được, Cơ quan điều tra tách hành vi của người phụ nữ trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ xanh, biển số 47R3-06xx, số khung RLCM23B109Y015884, số máy 23B1-015885, chủ xe trên giấy chứng nhận đăng ký là chị Phạm Thị G. Quá trình làm việc, chị G xác định đã bán chiếc xe nêu trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) từ lâu nên không có yêu cầu gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách chiếc xe mô tô nêu trên ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/4/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Y D Ênuôl số tiền 2.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng